

## GIẢI LOOKING BACK UNIT 6 SGK TIẾNG ANH 9

1. Complete the following word web with transport systems in Viet Nam then and now. (Hoàn thành mạng lưới từ sau đây với hệ thống giao thông ở Việt Nam xưa và nay.)

**TRANSPORTATION THEN AND NOW**

Then: earthen road, \_\_\_\_\_

Now: concrete road, \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

*Hướng dẫn giải*

Then	Now
earthen road	concrete road
path	underpass
trench	flyover
brick road	skytrain system
tunnel	skywalk system
alley	cable car
tram system	tunnel
	alley

2. Fill in each blank with one word/phrase. (Điền chỗ trống từ / cụm từ.)

1. She lived in a(n) \_\_\_\_\_ family, so she didn't have much privacy.
2. We live in a \_\_\_\_\_ family with only my parents and me.
3. Our children didn't have good learning \_\_\_\_\_ like computers, CD players, or laboratories during the 1980s.
4. \_\_\_\_\_ used to be an image associated with our soldiers in the past.
5. Classrooms made of mud and straw with \_\_\_\_\_ all around used to be common in Viet Nam during the war.

### ***Hướng dẫn giải***

1. extended	2. nuclear	3. facilities	4. Rubber sandals	5. trenches
-------------	------------	---------------	-------------------	-------------

### **Hướng dẫn dịch**

1. Cô ấy sống trong một đại gia đình, vì vậy cô ấy không có nhiều sự riêng tư.
2. Chúng tôi sống trong một gia đình hạt nhân chỉ với ba mẹ và tôi.
3. Con cái chúng ta đã không có phương tiện học tập tốt như máy tính, đầu đĩa CD hoặc phòng thí nghiệm suốt những năm 1980.
4. Dép cao su từng trở thành một hình ảnh gắn liền với những người lính của chúng ta trong quá khứ.
5. Lớp học được làm từ bùn và rơm với những rãnh xung quanh phổ biến ở Việt Nam suốt thời kỳ chiến tranh.

**3. Read the passage and fill in each blank with a suitable ...** (*Đọc đoạn văn và điền vào chỗ trống từ thích hợp trong bảng.*)

tolerant    disobedient    sympathetic    nuclear    caring    understanding    extended  
share

I used to go to a school for the gifted in Ho Chi Minh City. My house was far away, so I had to live with my relatives. It was an (1) \_\_\_\_\_ family with ten people and a cousin of my age. My mother was worried because I came from a (2) \_\_\_\_\_ family – much smaller and less complicated. I was a very (3) \_\_\_\_\_ girl – the type of person who never does what they are told. I was even envious when my cousin got higher grades. Luckily, my relatives were actually very (4) \_\_\_\_\_ and (5) \_\_\_\_\_, and my cousin herself was a (6) \_\_\_\_\_ girl. She didn't get too upset by my bad behaviour. Just as (7) \_\_\_\_\_ as her mother, she was ready to lend a hand in my study and to take care of me when I was ill. After three years with them, I also learnt that to get along with members in a big family, I should learn how to (8) \_\_\_\_\_.

**Hướng dẫn giải**

1. extended	2. nuclear	3. disobedient	4. sympathetic/ understanding
5. understanding/sympathetic	6. tolerant	7. caring	8. share

**Hướng dẫn dịch**

Tôi từng học ở một trường năng khiếu tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Nhà tôi ở xa nên tôi phải sống với bà con. Đó là một đại gia đình với 10 người và 1 người chị họ bằng tuổi tôi. Mẹ tôi đã lo lắng bởi vì tôi xuất thân từ một gia đình hạt nhân - nhỏ hơn và ít phức tạp hơn nhiều. Tôi là một đứa con gái ngang bướng - kiêu người mà không bao giờ làm những gì mà họ bảo. Tôi thậm chí đã ganh tị khi chị họ học cao hơn. May mắn là người bà con của tôi thật sự rất cảm thông và thấu hiểu và chị họ tôi là một cô gái vị tha. Cô ấy đã không quá buồn vì ứng xử tệ của tôi. Không chỉ chăm sóc mẹ mình cô ấy còn sẵn sàng giúp tôi học và chăm sóc tôi khi tôi bệnh. Sau 3 năm sống với họ, tôi cũng học được cách thích nghi với các thành viên trong một gia đình lớn, tôi nên học làm thế nào để chia sẻ.

**4. Complete the sentences with appropriate adjectives. (Hoàn thành câu với các tính từ thích hợp.)**

1. It is to value the improved living conditions we have today.
2. She was \_\_\_\_\_ the skytrain system would solve the traffic problems in the city.

3. The government is \_\_\_\_\_ that our education system will be improved significantly by the year 2020.
4. We are all \_\_\_\_\_ that pollution is getting more and more serious.
5. We were \_\_\_\_\_ to have heard about the poor living conditions back then.
6. I am \_\_\_\_\_ that the clanging sounds of the trams in Ha Noi will stay in our hearts forever.

***Hướng dẫn giải***

1. necessary/important	2. certain/sure/hopeful	3. certain/sure/confident
4. sorry/sure	5. sorry	6. convinced/certain/sure

***Hướng dẫn dịch***

1. Coi trọng việc cải thiện điều kiện sống chúng ta có hôm nay là cần thiết.
  2. Cô ấy hy vọng hệ thống xe điện trên cao sẽ giải quyết vấn đề giao thông trong thành phố.
  3. Chính quyền bảo đảm rằng hệ thống giáo dục của chúng ta sẽ được cải thiện đáng kể vào năm 2020.
  4. Chúng ta đều rất tiếc khi vấn đề ô nhiễm càng ngày càng nghiêm trọng.
  5. Chúng tôi rất tiếc khi nghe về điều kiện sống nghèo nàn ngày ấy.
  6. Tôi chắc chắn rằng âm thanh leng keng của xe điện ở Hà Nội sẽ sống mãi trong tim chúng ta.
- 5. Correct the italicised text where necessary. (Sửa phần được in nghiêng nếu cần thiết.)**

We had finally finished the school year and Trang asked me to go to Da Nang by train with her. I thought that (1) *it was dangerous to go by ourselves* since we were just fifteen. But Trang (2) *was confident that she take me there safely*. Moreover, our (3) *parents were too busy to go with us*, so they (4) *were happy let us go*. They even took us to Ha Noi Station and left us there with all the luggage and tickets. I (5) *was still worried that we would get lost*, but Trang (6) *was pleased to be allowed to go on her own*. We both (7) *felt that it was more convenient to go by night train* because we could sleep during the night. When we arrived, I (8) *was astonished that the city be very different from what I saw five years earlier*, and I was so relieved that we had arrived safe and sound as she promised.

Mistake	Correct
1. _____	_____
2. _____	_____
3. _____	_____
4. _____	_____
5. _____	_____
6. _____	_____
7. _____	_____
8. _____	_____

### Hướng dẫn giải

1. no change	2. take → could take	3. no change	4. let → to let
5. no change	6. no change	7. no change	8. be → was

### Hướng dẫn dịch

Cuối cùng, chúng tôi đã kết thúc năm học và Trang rủ tôi đi Đà Nẵng bằng xe lửa với cô ấy. Tôi nghĩ rằng nó thật là nguy hiểm khi chúng tôi tự đi bởi vì chúng tôi chỉ mới 15 tuổi. Nhưng Trang tự tin rằng cô ấy đưa tôi đến đó an toàn. Hơn nữa, ba mẹ chúng tôi quá bận để đi với chúng tôi nên họ rất vui vẻ để chúng tôi đi. Họ thậm chí đưa chúng tôi ra ga Hà Nội và để chúng tôi ở đó với hành lý và vé. Tôi vẫn rất lo lắng sợ rằng chúng tôi sẽ bị lạc nhưng Trang thì lại rất hài lòng khi được phép tự đi. Chúng tôi đều nghĩ rằng sẽ tiện hơn khi đi chuyên tàu đêm bởi vì chúng tôi có thể ngủ suốt đêm. Khi chúng tôi đến nơi, tôi đã kinh ngạc vì thành phố khác xa những gì tôi nhìn thấy 5 năm trước và tôi thấy rất thoải mái vì chúng tôi đã đến an toàn và như lời cô ấy hứa.

**6. Role-play. Interview a travel agent about Vietnamese people's holiday trends before and after 2000. ....** (Diễn kịch. Phỏng vấn một đại lý du lịch về xu hướng nghỉ mát của người Việt Nam trước và sau năm 2000. Sử dụng những gợi ý trong bảng cho bài phỏng vấn của em. Em có thể sử dụng ví dụ để bắt đầu.)

**Example:**

**Interviewer:** Have the Vietnamese changed the way they spend their holidays over the last 20 years?

**Travel agent:** Considerably. For example, they've changed their holiday destinations.

**Interviewer:** So... where did they often go before 2000?

**Travel agent:** They often went to...

	before 2000	after 2000
Where to go?	- beaches, mountains... - inside the country...	- beaches, mountains... - to other countries
When to go?	summer holiday	- Tet holiday, summer holiday, or other national holidays
How to travel around?	coach, train, rarely by airplane	car, train, airplane
Who to go with?	alone, with family	with family, friends

**Hướng dẫn giải**

**A:** Your agent is among the most famous travel agents in Viet Nam, so I'd like to ask you some questions about people's holiday trends before and after 2000.

**B:** Ok, what do you want to know?

**A:** I want to ask where people used to go to before 2000?

**B:** At that time, people tended to go on holiday on the beaches or mountains. They preferred inside the country.

**A:** And now?

**B:** Today, beaches and mountains are still popular destination for most of tourists but they tend to go to other countries.

**A:** What differences between means of transportation they used?

**B:** Before 2000, they usually go by coach or train and rarely by airplane; but after 2000, airplane and car are more popular.

**A:** Thank you for sharing!

